**BÀI THU HOẠCH (LẤY 50% ĐIỂM GIỮA KỲ)**

Tóm tắt các video sau trong khoảng 250 – 300 từ/01 video và trả lời câu hỏi liên quan theo mẫu sau:

Họ và tên: Nguyễn Vy Thảo Ngày sinh: 10/09/2003

Lớp: 21TCLC-DT2 Số thứ tự:

Tên kênh dùng để đăng ký kênh Triết học và cuộc sống: Thảo Nguyễn Vy

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Video** | **Tóm tắt** | **Trả lời câu hỏi** |
| 01 | Triết học là gì? | Triết học ra đời từ rất sớm, ở cả phương Đông và Tây.  Trong mỗi nền văn minh, đều có khái niệm triết học khác biệt:  - Ấn Độ( một trong những cái nôi văn minh của nhân loại): thuật ngữ Darshana (triết học): sự suy ngẫm, chiêm nghiệm để tìm đến lẽ phải, chân lý. Con đường để rút ngắn quá trình chiêm nghiệm là con đường học tập, chủ động lĩnh hội tri thức ( Tất Đạt Đa: nhân vật nổi tiếng trong văn hóa Ấn Độ về suy tư, chiêm nghiệm).  - Trung Quốc: Triết-sự hiểu biết về đạo lí.  - Phương tây: phylosophy - yêu mến sự thông thái (Christopher Mccandless).  Tóm lại: Triết học nhằm khám phá đến những quy luật mang tính chung nhất của con người.  Mỗi ngành khoa học đều có đối tượng riêng, mục tiêu của mỗi ngành khoa học là khám phá ra bản chất, tính quy luật của đối tượng riêng, đúng trong phạm vi nhất định. Các ngành khoa học đều rất quan trọng, cung cấp kiến thức về thế giới về nhiều gốc độ khác nhau. Đến khi nào vươn tới những quy luật mang tính chung nhất, khái quát nhất thì mới đạt đến tư duy của triết học. Triết học là quá trình suy tư, chiêm nghiệm, tự mình nghiệm ra được, chuyển hóa được những tri thức đó trở thành của riêng mình, lúc đó mới đạt đến ngưỡng tư duy triết học.  Tổng kết: triết học nghiên cứu những quy luật mang tính chung nhất của thế giới, thế giới đó phân ra nhiều lĩnh vực, như tự nhiên, xã hội, tư duy tư tưởng, xem xét chúng ta đóng vai trò gì trong thế giới đó | Trình bày mối quan hệ giữa triết học và các ngành khoa học cụ thể  Trả lời:  - Vào thời cổ đại, khi các loại hình tri thức còn ở trong tình trạng tản mạn, dung hợp và sơ khai, các khoa học độc lập chưa hình thành, thì triết học đóng vai trò là dạng nhận thức lí luận tổng hợp, giải quyết các vấn đề lí luận chung về tự nhiên, xã hội và tư duy. Dựa trên những tri thức cơ học, toán học, y học, nghệ thuật, kiến trúc, quân sự và cả chính trị,…triết học ra đời và khái quát các tri thức riêng lẻ thành luận thuyết, trong đó có những khái niệm, phạm trù và quy luật…của mình. |
|  |  | … | … |
| 02 | Thế giới quan là gì? | 1. Thế giới quan là gì?  Thế giới quan - hệ thống quan điểm tư tưởng tri thức niềm tin của chúng ta về thế giới, về vị trí, vai trò của chúng ta trong thế giới đó.  Thế giới này phân ra làm 3 lĩnh vực: vũ trụ, quy luật của tự nhiên; xã hội, quan hệ giữa con người với con người; thế giới nội tâm, tư duy của con người.  2. Nó được cấu thành bởi các yếu tố nào?  Thế giới quan được hình thành với 3 bộ phận: tri thức (hiểu biết của chúng ta về thế giới đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn) là nền tảng quan trọng nhất; niềm tin (đặc biệt là niềm tin khoa học) là cơ sở để thúc đẩy hành vi con người; lí tưởng - vươn tới những thứ cao đẹp, hoàn mĩ của con người.  3. Có những loại thế giới quan nào? Thế giới quan:  Thần thoại: giải thích một cách siêu nhiên về các hiện tượng tự nhiên của đời sống xã hội.  Tôn giáo: cao hơn thế giới quan thần thoại, mang yếu tố cảm xúc nhiều hơn. Để gọi là một tôn giáo có 3 đặc điểm cơ bản: giáo chủ - người sáng lập; giáo luật - hệ thống các quy tắc mà tín đồ phải tuân thủ; giáo hội - tổ chức để đảm bảo các tín đồ tuân thủ theo giáo luật.  Triết học: đề cao yếu tố tri thức, niềm tin khoa học, gồm thế giới quan duy tâm và thế giới quan duy vật.  4. Thế giới quan có vai trò như thế nào?  Mỗi hành vi của chúng ta bị điều phối, thúc đẩy, dẫn dắt bởi hệ thống nguyên tắc của thế giới quan. | Phân tích vai trò của thế giới quan đối với bản thân  Trả lời:  - Thế giới quan chính là kim chỉ nam định hướng cho cuộc sống của con người, từ nhận thức đến hành động thực tiễn, giúp xác định hệ tư tưởng, lý tưởng, lối sống của bản thân. Thế giới quan khoa học là tiền đề xác lập nhân sinh quan tích cực và trình độ phát triển của thế giới quan là tiêu chí cơ bản để đánh giá sự trưởng thành của cá nhân và sự phát triển của cộng đồng xã hội.  - Thế giới quan đúng đắn, chuẩn chỉ là la bàn để hướng con người đến với những hoạt động tích cực. Thế giới quan là trụ cột trong tư tưởng của đạo đức, hình thành nhân cách, hành vi của mỗi người. Khi con người bị ảnh hưởng bởi thế giới quan không chính xác sẽ dẫn đến không thể xác định đúng những mối quan hệ xã hội và các quy luật của đối tượng. Dẫn đến không xác định được mục tiêu, cách thức hay phương hướng hoạt động nên kết quả thực hiện sẽ không được như mong muốn. |
|  |  | … | … |
| 03 | Vấn đề cơ bản của triết học. | Vấn đề cơ bản của triết học: vấn đề có ý nghĩa nền tảng và là điểm xuất phát để giải quyết tất cả những vấn đề còn lại - vấn đề về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Hiện tượng trong thế giới: hiện tượng vật chất, tồn tại bên ngoài và độc lập ý thức con người; hiện tượng thuộc tinh thần, ý thức của chính con người. Để giải quyết được các vấn đề chuyên sâu của từng học thuyết về thế giới, trước hết cần xác định: Thế giới tồn tại bên ngoài tư duy con người có quan hệ như thế nào với thế giới tinh thần tồn tại trong ý thức của con người? Con người có hiểu biết đến đâu về sự tồn tại thực của thế giới? Bất kỳ trường phái triết học nào cũng cần giải quyết vấn đề này - Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tồn tại và tư duy.  Khi giải quyết vấn đề cần xác định nền tảng và điểm xuất phát của mình, không những thế cần xác định lập trường, thế giới quan của các học thuyết và của các triết gia.  Vấn đề cơ bản của triết học có hai mặt, trả lời hai câu hỏi lớn:  - Mặt thứ nhất: nguyên nhân vật chất hay nguyên nhân tinh thần đóng vai trò là cái quyết định?  - Mặt thứ hai: con người có khả năng nhận thức được thế giới không? ( con người có dám tin rằng mình sẽ nhận thức được sự vật và hiện tượng không?) | Việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học có ý nghĩa gì?  Trả lời:  - Chính nhờ việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học mà từ đó hình thành nên các trường phái triết học khác nhau.  - Cuộc chiến giữa trường phái duy tâm và trường phái duy vật từ lúc bắt đầu cho đến nay vẫn luôn là cuộc chiến gay go, sôi động nhất.  - Nghiên cứu thấu đáo các vấn đề cơ bản để từ đó giải thích được hiện tượng mê tín dị đoan và tìm giải pháp khắc phục. |
|  |  | … | … |
| 04 | Vật chất là gì? | 1. Quan điểm trước Mác về vật chất:  - Chủ nghĩa duy tâm:  Duy tâm khách quan: cho rằng các sự vật, hiện tượng đều do một thực thể tinh thần ở bên ngoài thế giới sáng tạo ra.  Duy tâm chủ quan: cho rằng sự vật, hiện tượng là do sự phức hợp, sự tổng hợp của cảm giác.  - Chủ nghĩa duy vật:  Duy vật thời cổ đại  Duy vật thế kỉ XV-XVIII  2. Quan điểm của Triết học Mác - Lênin về vật chất:  Phương pháp định nghĩa:  - Định nghĩa bằng cách đưa đối tượng cần định nghĩa vào một khái niệm rộng hơn rồi chỉ ra đặc điểm riêng của nó.  - Định nghĩa theo tập hợp.  - Phương pháp định nghĩa mới: đem vật chất và ý thức đối lập với nhau (chỉ diễn ra trong lĩnh vực nhận thức luận).  Nội dung định nghĩa:  - Phạm trù vật chất khác với các khái niệm của các khoa học khác.  - Thuộc tính cơ bản nhất, phổ biến nhất của mọi tồn tại vật chất là thuộc tính tồn tại khách quan (tồn tại khách quan).  - Vật chất là nguồn gốc của cảm giác (ý thức).  Ý nghĩa định nghĩa:  - Giải quyết một cách triệt để vấn đề cơ bản của triết học trên quan điểm duy vật.  - Chống lại mọi quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và thuyết bất khả tri.  - Mở đường cho khoa học phát triển  - Chỉ ra vật chất trong lĩnh vực xã hội - tồn tại xã hội.  - Đưa ra phương pháp định nghĩa đặc biệt. | Hạn chế của quan điểm duy vật trước Mác là gì? Cho ví dụ.  Trả lời:  - Hạn chế: đồng nhất vật chất với tư cách là một phạm trù rộng lớn với những dạng vật chất cụ thể  - Ví dụ: ta không thể nói, cái bàn cái ghế là vật chất, mà nó chỉ là một dạng tồn tại cụ thể của vật chất chứ nó không đồng nhất với vật chất |
|  |  | … | … |
| 05 | Phương thức tồn tại của vật chất. | Theo quan điểm của Triết học Mác khẳng định rằng: phương thức tồn tại của vật chất đó là vận động.  1. Định nghĩa vận động:  - Theo nghĩa hẹp: là sự dịch chuyển vị trí trong không gian.  - Theo nghĩa rộng: là sự biến đổi nói chung.  Vận động là thuộc tính cố hữu và là phương thức tồn tại của vật chất  2. Nguồn gốc vận động: Theo quan điểm của:  - Duy tâm tôn giáo: nguồn gốc của vận động nằm bên ngoài sự vật  - Chủ nghĩa Mác: nguồn gốc của sự vận động phát triển sự vật là nằm bên trong sự vật  3. Các hình thức vận động:  -Cơ học: sự dịch chuyển vị trí của vật thể trong không gian.  - Vật lí: vận động của quá trình của nhiệt, điện hay vận động của các hạt cơ bản, của ánh sáng.  - Hóa học: sự hòa hợp và phân giải các chất.  - Sinh học: là quá trình trao đổi chất giữa cơ thể và môi trường tạo nên sự biến đổi của cơ thể.  - Xã hội: làm biến đổi các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.  Sự khác nhau giữa các hình thức là do sự khác nhau về quy định của kết cấu vật chất của sự vật hiện tượng. Các hình thức vận động cao xuất hiện trên cơ sở và bao hàm trong đó các hình thức vận động thấp hơn.  4. Vận động và đứng im:  Triết học Mác khẳng định: vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối. Đứng im là trạng thái vận động trong thăng bằng.  5. Hình thức tồn tại của vật chất: tồn tại trong không gian và thời gian | Vì sao nói, mỗi sự vật, hiện tượng đều được đặc trưng bởi một hình thức vận động?  Trả lời:  -Hình thức vận động của vật chất được biểu hiện ra với các quy mô, trình độ và tính chất hết sức khác nhau. Thông qua các hình thức cơ bản của vận động cho thấy, vật chất tồn tại hiện hữu dưới dạng là một đối tượng cơ học, hay vật lý, hóa học, sinh học hoặc xã hội. Chính vì vậy, vận động nói chung là một hình thức tồn tại của vật chất. Việc phân chia các hình thức vận động cơ bản có ý nghĩa quan trọng đối với việc phân chia đối tượng và xác định mối quan hệ giữa các ngành khoa học, đồng thời cũng cho phép vạch ra các nguyên lý đặc trưng cho sự tương quan giữa các hình thức vận động của vật chất. Những kết cấu vật chất đặc thù bao giờ cũng được đặc trưng bởi một hình thức vận động cơ bản nhất định. |
|  |  | … | … |
| 06 | Ý thức là gì? | Ý thức là một trong hai phạm trù cơ bản được các trường phái triết học quan tâm nghiêm cứu.  1. Nguồn gốc của ý thức:  Quan điểm chủ nghĩa duy tâm:  - Khách quan:ý thức là thực thể tinh thần có trước, sinh ra và quyết định vật chất.  - Chủ quan: tuyệt đối hóa vai trò của cảm giác sinh ra thế giới vật chất.  Quan điểm chủ nghĩa duy vật siêu hình: là kết quả sự phản ánh thế giới bên ngoài vào trong não người nhưng mang tính cứng nhắc, máy móc.  Quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng : là kết quả sự phản ánh khách quan trong trong não người nhưng mang tính năng động và sáng tạo.  Nguồn gốc tự nhiên:  - Não người: là dạng vật chất có tổ chức cao, sinh ra ý thức.  - Sự phản ánh thế giới khách quan: là nội dung của ý thức, là chất liệu để xây dựng hình ảnh bên trong não.  Nguồn gốc xã hội:  - Lao động: quá trình lao động sẽ cung cấp những thông tin, thuộc tính về các sự vật hiện tượng, và đó là chất liệu để hoạt động của ý thức, đồng thời cải thiện cơ thể chúng ta.  - Ngôn ngữ: trong quá trình lao động có nhu cầu cần trao đổi thông tin.  2. Bản chất của ý thức: là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, là quá trình phản ánh tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan của óc người.  3. Kết cấu của ý thức:  - Các lớp cấu trúc của ý thức: tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí. Trong đó, tri thức là yếu tố cơ bản, cốt lõi nhất  - Các cấp độ của ý thức: tự ý thức, tiềm thức, vô thức. | Ý thức có vai trò như thế nào đối với hoạt động thực tiễn?  Trả lời:  - Thông qua hoạt động thực tiễn, ý thức tác động trở lại thế giới hiện thực khách quan. Ý thức giúp chúng ta định hướng, xây dựng các mục tiêu, kế hoạch để lựa chọn công cụ phương tiện nhằm tác động vào đối tượng nhằm đạt được mục đích đặt ra. Do đó sự tác động trở lại này theo hướng tích cực nếu sự phản ánh của ý thức đối với thế giới khách quan, hiện thực khách quan là đúng đắn, phù hợp với các quy luật khách quan thì sẽ giúp cho hoạt động thực tiễn của ta đạt được mục đích. Nhưng ngược lại nếu sự phản ánh là sai lầm, không đúng với quy luật sẽ dẫn tới những sai lầm trong thực tiễn, ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động thực tiễn. Do đó trong hoạt động thực tiễn, chúng ta cần tuân thủ nguyên tắc khách quan nghĩa là tôn trọng quy luật các sự vật hiện tượng, sự vận hành của thế giới.  - Ý thức là kết quả của sự phản ánh năng động thế giới khách quan vào trong não người, chúng ta cần phát huy tính năng động, sáng tạo của ý thức. Và để phát huy được tính năng động, sáng tạo của ý thức cần không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết về sự phát triển của khoa học và năng lực não bộ. Đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế tri thức hiện nay, tri thức đóng vai trò vô cùng quan trong giúp con người nâng cao năng lực trong quá trình chinh phục và cải tạo tự nhiên, góp phần nâng cao chất lượng sống của chúng ta. |
|  |  | … |  |
| 07 | Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. | Sự đối lập giữa vật chất và ý thức là tuyệt đối trong phạm vi nhận thức luận. Trong thực tế không thể chia đôi vật chất và ý thức  Vấn đề cơ bản của triết học:  - Quan điểm chủ nghĩa duy tâm: tuyệt đối hóa vai trò của ý thức, ý thức có trước và quyết định sự tồn tại vận động của các sự vật hiện tượng.  - Quan điểm chủ nghĩa duy vật: vật chất có trước và quyết định ý thức. Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định giữa vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng và tác động qua lại lẫn nhau, trong đó vật chất quyết định ý thức và ngược lại ý thức có tính độc lập tương đối, tác động trở lại.  Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức:  Vật chất quyết định ý thức:  - Vật chất quyết định nguồn gốc; nội dung; bản chất xã hội; sự vận động, phát triển của ý thức.  Ý thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất:  - Ý thức sau khi ra đời sẽ vận động, phát triển theo quy luật riêng của nó (định nghĩa vật chất).  - Thông qua hoạt động thực tiễn, ý thức tác động trở lại vật chất.  - Ý thức có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực.  - Ý thức đóng vai trò ngày càng cao trong hoạt động thực tiễn.  Nguyên tắc khách quan: tôn trọng sự vận hành của sự vật hiện tượng. | Vì sao nói, ý thức có tính độc lập tương đối so với vật chất?  Trả lời:  - Dựa vào mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, có thể nói ý thức có tính độc lập tương đối so với vật chất.  - Qua hoạt động của con người, ý thức sau khi sinh ra sẽ không bị vật chất gò bó mà có thể tác động làm thay đổi vật chất. ý thức sau khi sinh ra có thể thay đổi, cải tạo hiện thực khách quan theo nhu cầu phát triển của con người và mức độ tác động phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Ý thức không thể thoát ly hiện thực khách quan, sức mạnh của ý thức được chứng tỏ qua việc nhận thức hiện thực khách quan. |
|  |  | … | … |

**Lưu ý: Không được COPY bài của người khác (sẽ bị 0 điểm)**

**Link kênh Triết học và cuộc sống:**

[**https://www.youtube.com/watch?v=Mg2dled96cI&list=PL1tri\_ImoEkCqEAohplYK-Yy4ePBYgNYX**](https://www.youtube.com/watch?v=Mg2dled96cI&list=PL1tri_ImoEkCqEAohplYK-Yy4ePBYgNYX)